

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hùng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sốc;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê K T, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 20, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh A.

2. Bị đơn:

Bùi Thị T H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 04, khóm B, thị trấn B, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê K T trình bày:

Do có quen biết với nhau từ trước nên khoảng đầu năm 2020, bà T có cho bà H vay tiền nhiều lần và trả đầy đủ, đến khoảng tháng 9 năm 2020 bà H nói cần vốn làm ăn tiếp tục vay tiền, vì tin tưởng bà T đã cho vay chia làm 05 đợt với tổng số

tiền là 550.000.000 đồng gồm: Đợt 01 ngày 02/8/2020 (âm lịch) cho vay số tiền 100.000.000 đồng; đợt 02 ngày 09/8/2020 (âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng; đợt 03 ngày 26/8/2020 (âm lịch) cho vay 250.000.000 đồng; đợt 04 ngày 02/9/2020 (âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng; đợt 05 ngày 05/9/2020 (âm lịch) vay 50.000.000 đồng, qua 05 lần vay tiền đều giao nhận tiền tại nhà bà T và không làm biên nhận vay. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, từ 07 đến 10 ngày trả lãi 01 lần, thời hạn cho vay đến cuối năm 2020 sẽ trả đủ vốn. Bà H có đóng lãi được 03 tháng với số tiền 65.000.000 đồng, đến tháng 01 năm 2021 thì ngưng đóng.

Bà T đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng bà H không thực hiện, đến ngày 01/4/2021, bà T có đến nhà gặp bà H và lập Giấy cam kết trả nợ cùng ngày, thỏa thuận hàng tháng trả từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nếu có điều kiện thì 10 ngày trả 01 lần từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đến ngày 02/4/2021 bà H có trả được 5.000.000 đồng và không tiếp tục trả tiền vay.

Do bà H đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết, bà T yêu cầu bà H phải trả số tiền là 545.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Bùi Thị T H, Nguyễn Văn Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn không chấp hành dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Tòa án Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, đương sự nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc vắng mặt là tự từ bỏ quyền lợi của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo Giấy cam kết trả nợ ngày 01/4/2021 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 550.000.000 đồng nhưng bị đơn chỉ mới trả được 5.000.000 đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà H tiếp tục trả số tiền vay 545.000.000 đồng không yêu cầu ông Th cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền vay là có cơ sở.

Trong quá trình vay, bà H chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn. Về số tiền lãi các bên thỏa thuận là 5%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Tuy nhiên, tính từ thời gian vay đến khi xét xử, tiền lãi theo quy định pháp luật đáng ra bị đơn phải trả là cao hơn số tiền lãi thực tế 65.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn và việc nguyên đơn không

yêu cầu tính tiền lãi là có lợi cho bị đơn, do đó đề nghị không xem xét khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả.

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Bùi Thị T H trả số tiền 545.000.000 đồng cho nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 07 tháng 06 năm 2021 bà Lê K T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị T H và ông Nguyễn Văn Th trả số tiền vay 545.000.000 đồng. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự “Hợp đồng vay tài sản”, bà H, ông Th cùng cư trú tại tổ 04, khóm B, thị trấn B, huyện T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Thị T H, Nguyễn Văn Th đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhiều lần văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 08/4/2022 và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quyền khởi kiện:

Tháng 9 năm 2020 nguyên đơn cho bị đơn Bùi Thị T H vay chia làm 05 đợt với số tiền 550.000.000 đồng gồm: Đợt 01 ngày 02/8/2020 (âm lịch) (tức ngày 18/9/2020 dương lịch) cho vay số tiền 100.000.000 đồng; đợt 02 ngày 09/8/2020 (âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng; đợt 03 ngày 26/8/2020 (âm lịch) cho vay 250.000.000 đồng; đợt 04 ngày 02/9/2020 (âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng; đợt 05 ngày 05/9/2020 (âm lịch) vay 50.000.000 đồng. Qua 05 lần vay tiền đều không làm biên nhận vay. Lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, từ 07 đến 10 ngày trả lãi 01 lần, thời hạn cho vay đến cuối năm 2020 sẽ trả đủ vốn. Bà H có đóng lãi được 03 tháng với số tiền 65.000.000 đồng, đến tháng 01 năm 2021 thì ngưng đóng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ bị đơn Bùi Thị T H đã lập Giấy cam kết trả nợ vào ngày 01/4/2021 thỏa thuận hàng tháng trả từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nếu có điều kiện thì 10 ngày trả 01 lần từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Đến ngày 02/4/2021 bà H có trả được 5.000.000 đồng và không tiếp tục trả tiền vay.

Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay tài sản các bên không lập văn bản thể hiện việc vay tiền, không xác định chính xác thời điểm vay khi nào của năm 2020. Tuy nhiên, ngày 01/4/2021 có lập Giấy cam kết trả nợ, thể hiện việc bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 550.000.000 đồng và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ đó có đủ cơ sở xác định, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng vay tài sản và nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bị đơn đủ số tiền 550.000.000

đồng nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn, nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền đã vay là có cơ sở.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Th cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 545.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ngày 11/3/2022 nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn Th có trách nhiệm liên đới trả nợ tiền vay, đây là quyền quyết định tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận cho vay với mức lãi suất là 5%/tháng, là vượt quá so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự “lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm” cần phải điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi và khi xem xét số tiền lãi 03 tháng bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 65.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy, tính từ thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn ngày 02/4/2021 cho đến thời điểm xét xử ngày 29/4/2022 là 13 tháng 28 ngày, tính lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm trên số tiền 545.000.000 đồng là lớn hơn số tiền lãi thực tế 65.000.000 đồng bị đơn đã trả cho nguyên đơn và việc nguyên đơn không yêu cầu xem xét về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét khấu trừ số tiền 65.000.000 đồng vào số tiền lãi bị đơn lẽ ra phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[3] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp, nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bị đơn đủ số tiền 550.000.000 đồng, nhưng bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Bùi Thị T H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn lại là 545.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Bùi Thị T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền 545.000.000 đồng. Nguyên đơn Lê K T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê K T đối với bà Bùi Thị T H.

Buộc bà Bùi Thị T H phải trả cho bà Lê K T số tiền 545.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút về việc buộc bị đơn Nguyễn Văn Th cùng có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Th hành án có quyền chủ động ra quyết định Th hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th hành án) cho đến khi Th hành án xong, bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị T H phải chịu 25.800.000 đồng (hai mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê K T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 12.900.000 đồng (mười hai triệu, chín trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007959 ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Th hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

